BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

Số: 1138 /QĐ-ĐHGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 60 học viên cao học của Trường đại học Giao thông Vận tải.

(*Danh sách kèm theo*)

Điều 2. Các học viên trong danh sách kèm theo được hưởng mọi quyền lợi ghi trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Đào tạo Sau đại học, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính - Kế toán, các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐTSĐH (5).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

GS.TS. Nguyễn Ngọc Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo quyết định số: 1138 /QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông Vận tải)

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGÀNH ĐÀO TẠO	MHV	KHÓA
1	Bùi Minh Đăng	Nam	02/02/1996	Phú Thọ	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (đường bộ)	4201077	28.1
2	Đỗ Văn Hùng	Nam	28/08/1988	Thái Bình	-nt-	4201083	28.1
3	Nguyễn Sư Sơn	Nam	04/06/1995	Nghệ An	-nt-	4201094	28.1
4	Nguyễn Nhật Tân	Nam	10/08/1998	Thanh Hóa	-nt-	4211036	29.1
5	Nguyễn Đức Thắng	Nam	12/02/1998	Hưng Yên	-nt-	4211038	29.1
6	Hoàng Đình Hạnh	Nam	23/08/1989	Thanh Hóa	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (sân bay)	4193311	27.2BS
7	Khuất Khắc Bằng	Nam	19/06/1997	Hà Nội	-nt-	4201071	28.1
8	Phạm Quang Thiện	Nam	27/05/1996	Nam Định	-nt-	4201098	28.1
9	Đỗ Anh Tú	Nam	07/11/1998	Yên Bái	-nt-	4211043	29.1
10	Nguyễn Ngọc Anh	Nam	25/11/1996	Thái Bình	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (CTGT đô thị)	4201069	28.1
11	Vũ Xuân Dương	Nam	09/10/1997	Bắc Ninh	-nt-	4201505	28.2
12	Trương Công Hiếu	Nam	20/10/1997	Hà Nội	-nt-	4201507	28.2
13	Lê Xuân Lượng	Nam	03/02/1995	Thanh Hóa	-nt-	4201509	28.2
14	Trần Đức Long	Nam	09/07/1996	Hà Nội	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (VLXD)	4211030	29.1
15	Vũ Văn Mạnh	Nam	04/02/1997	Thái Bình	**Kỹ thuật xây dựng**	4201519	28.2
16	Nguyễn Thị Thương Thương	Nữ	20/05/1993	Nam Định	-nt-	4201520	28.2
17	Phạm Thông Tin	Nam	14/08/1993	Thái Bình	-nt-	4211053	29.1
18	Bùi Thị Hương	Nữ	21/11/1980	Thanh Hóa	**Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**	4201545	28.2
19	Đinh Thị Mùi	Nữ	01/09/1979	Thái Bình	-nt-	4201546	28.2
20	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	27/02/1989	Hà Nội	-nt-	4211114	29.1
21	Đỗ Trung Kiên	Nam	26/06/1993	Bắc Giang	**Quản lý xây dựng** (KTXD)	4181018	26.1
22	Nguyễn Văn Hiệp	Nam	23/07/1992	Nghệ An	-nt-	4193013	27.2
23	Cao Tuấn Huy	Nam	06/07/1992	Hà Nam	-nt-	4193016	27.2
24	Nguyễn Văn Trọng	Nam	29/12/1996	Yên Bái	-nt-	4193362	27.2BS
25	Trịnh Huy Dương	Nam	25/12/1996	Thanh Hóa	-nt-	4201112	28.1
26	Nguyễn Minh Đức	Nam	08/03/1996	Nam Định	-nt-	4201117	28.1
27	Nguyễn Việt Hùng	Nam	21/05/1996	Quảng Ninh	-nt-	4201121	28.1
28	Đỗ Đức Vũ	Nam	15/09/1997	Hà Nội	-nt-	4201145	28.1
29	Nguyễn Việt Hùng	Nam	23/10/1997	Quảng Ninh	-nt-	4201525	28.2
30	Chu Đức Sơn	Nam	06/10/1998	Bắc Ninh	-nt-	4201532	28.2

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGÀNH ĐÀO TẠO	MHV	KHÓA
31	Trần Nguyễn Thành Chung	Nam	10/04/1998	Hà Nội	-nt-	4211065	29.1
32	Bùi Đức Dũng	Nam	22/06/1998	Hà Tĩnh	-nt-	4211067	29.1
33	Đỗ Tiến Dũng	Nam	04/10/1998	Hà Nội	-nt-	4211068	29.1
34	Huỳnh Ngọc Hải	Nam	23/10/1998	Hà Nội	-nt-	4211073	29.1
35	Đoàn Lê Hoàng	Nam	08/06/1993	Thanh Hóa	-nt-	4211076	29.1
36	Nguyễn Lê Huy	Nam	27/03/1997	Phú Thọ	-nt-	4211077	29.1
37	Nguyễn Trung Kiên	Nam	04/11/1997	Hà Nội	-nt-	4211082	29.1
38	Trần Trung Kiên	Nam	20/06/1993	Hà Nội	-nt-	4211083	29.1
39	Nguyễn Tuấn Linh	Nam	02/11/1997	Phú Thọ	-nt-	4211086	29.1
40	Trần Trung Nghĩa	Nam	25/09/1998	Nam Định	-nt-	4211089	29.1
41	Trần Thái Sang	Nam	12/09/1997	Quảng Bình	-nt-	4211098	29.1
42	Dương Thu Trang	Nữ	14/05/1998	Hưng Yên	-nt-	4211102	29.1
43	Nguyễn Thị Hà Trang	Nữ	23/02/1998	Phú Thọ	-nt-	4211103	29.1
44	Nguyễn Quốc Trung	Nam	23/06/1997	Hòa Bình	-nt-	4211105	29.1
45	Vũ Hải Đô	Nam	14/05/1988	Nam Định	**Quản lý xây dựng** (QLDA)	4201114	28.1
46	Lê Văn Tâm	Nam	11/03/1990	Nam Định	-nt-	4201129	28.1
47	Phạm Lương Thuần	Nam	09/08/1991	Nam Định	-nt-	4201133	28.1
48	Đặng Việt Tiệp	Nam	09/04/1986	Nam Định	-nt-	4201135	28.1
49	Nguyễn Hữu Trung	Nam	12/07/1989	Nam Định	-nt-	4201535	28.2
50	Vũ Tuấn Việt	Nam	29/09/1990	Nam Định	-nt-	4201537	28.2
51	Nguyễn Xuân Tuấn Anh	Nam	29/09/1995	Hà Nội	**Quản trị kinh doanh**	4211166	29.1
52	Vũ Văn Quảng	Nam	14/11/1997	Hưng Yên	-nt-	4211175	29.1
53	Vũ Thị Ngọc Anh	Nữ	17/08/1984	Thanh Hóa	**Quản lý kinh tế**	4211125	29.1
54	Lê Việt Đức	Nam	29/07/1993	Hà Nội	-nt-	4211133	29.1
55	Đoàn Ngọc Hậu	Nữ	09/10/1989	Lào Cai	-nt-	4211136	29.1
56	Mai Thị Huyền	Nữ	10/10/1984	Thanh Hóa	-nt-	4211140	29.1
57	Nguyễn Thị Thu Ngọc	Nữ	14/07/1999	Lào Cai	-nt-	4211148	29.1
58	Bùi Thị Phương Thảo	Nữ	03/07/1997	Lào Cai	-nt-	4211158	29.1
59	Nguyễn Hoài Thu	Nữ	25/06/1994	Lào Cai	-nt-	4211160	29.1
60	Lù Thị Hải Yến	Nữ	22/01/1988	Lào Cai	-nt-	4211164	29.1

Danh sách có 60 học viên.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

GS.TS. Nguyễn Ngọc Long